

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày 24 - 9 - 2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-DS ngày 12/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST – DS ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị D; địa chỉ: Thôn M, xã Quảng T, huyện T, Tỉnh Đắk Nông – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đồng Thị Th; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện T, Tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị D trình bày:

Ngày 26/11/2016 Âm lịch (ngày 24/12/2016 Dương lịch); bà D có cho bà Đồng Thị Th vay số tiền 10.000.000 đồng; có lập giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất; bà D đã giao tiền cho bà Th; thời hạn trả nợ ngày 26/12/2016 Âm lịch (ngày 26/01/2017 Dương lịch). Đến ngày trả nợ, bà D đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà Th không trả.

Ngày 25/7/2017 Âm lịch (ngày 15/9/2017 Dương lịch); bà D tiếp tục cho bà Th vay số tiền 38.700.000 đồng; có lập giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất; bà D đã giao tiền cho bà Th; thời hạn trả nợ ngày 25/9/2017 Âm lịch (ngày 13/11/2017 Dương lịch). Đến ngày trả nợ, bà D đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà Th không trả.

Bà Th vay tiền nhưng đến hạn không trả là xâm phạm đến quyền lợi của bà D. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả cho bà số tiền gốc là 48.700.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền theo quy định của pháp luật đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bà D cam đoan chữ ký và chữ viết dưới mục bên vay tiền trong 02 Giấy vay tiền đề ngày 25/7/2017 Âm lịch và 26/11/2016 Âm lịch là của bà Đồng Thị Th, bà sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật nêu cung cấp chứng cứ giả mạo cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định được: Bà Đồng Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Th không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện T giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vẫn vắng mặt không do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các giấy vay tiền đề ngày 26/11/2016 và 25/7/2017 Âm lịch và lời trình bày của nguyên đơn thì bị đơn nợ nguyên đơn tổng số tiền 48.700.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất; đến hạn trả nợ ngày 26/12/2016 và ngày 25/9/2017 Âm lịch (ngày 26/01/2017 và ngày 13/11/2017 Dương lịch), bà Th đã vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ như thỏa thuận; bỏ đi khỏi địa phương không thông báo bên cho vay. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 147; Điều 184; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 275; khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D, buộc bà Đồng Thị Th phải trả tổng số tiền 68.310.137 đồng cho bà Đinh Thị D, bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 48.700.000 đồng.

- Tiền lãi suất chậm trả số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 27/01/2017 đến ngày 24/9/2021 với mức lãi suất 10%/năm: $10.000.000 \times 10\% \times (1701 \text{ ngày}/365) = 4.660.274$ đồng.

- Tiền lãi suất chậm trả số tiền 38.700.000 từ ngày 14/11/2017 đến ngày 24/9/2021 với mức lãi suất 10%/năm: $38.700.000 \times 10\% \times (1410 \text{ ngày}/365) = 14.949.863$ đồng.

Về án phí: Bà Đồng Thị Th phải chịu 3.416.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, bà Đinh Thị D yêu cầu Tòa án buộc bà Đồng Thị Th phải trả số tiền gốc 10.000.000 đồng và 38.700.000 đồng đã vay và tiền lãi do chậm trả tiền, đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về tố tụng: Các đương sự không yêu cầu nên không áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 149 của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Bà Th chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn bà Th không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Th theo thủ tục chung nhưng bị đơn bà Th không hợp tác, vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2021 và phiên tòa hôm nay, bà Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Ngày 26/11/2016 Âm lịch (ngày 24/12/2016 Dương lịch), bà Đinh Thị D và bà Đồng Thị Th ký kết hợp đồng vay tài sản, với nội dung: “*bà Th vay bà D số tiền 10.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2016 Âm lịch (ngày 26/01/2017 Dương lịch)*”.

Ngày 25/7/2017 Âm lịch (ngày 15/9/2017 Dương lịch), bà D và bà Th tiếp tục ký kết hợp đồng vay tài sản, với nội dung: “*bà Th vay bà D số tiền 38.700.000 đồng; thời hạn trả nợ là ngày 25/9/2017 Âm lịch (ngày 13/11/2017 Dương lịch)*”

Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà D với bà Th được lập thành văn bản, có chữ ký xác nhận của các bên; quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự; tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng nên giao dịch này là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện giao dịch, bà Th không trả nợ như đã cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả lãi suất, bà D yêu cầu bà Th phải trả lãi suất chậm trả tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy mượn tiền ngày 26/11/2016 Âm lịch (ngày 24/12/2016 Dương lịch) thể hiện: Thời hạn trả nợ là ngày 26/12/2016 Âm lịch (ngày 26/01/2017 Dương lịch). Theo giấy mượn tiền ngày 25/7/2017 Âm lịch (ngày 15/9/2017 Dương lịch) thể hiện: Thời hạn trả nợ là ngày 25/9/2017 Âm lịch (ngày 13/11/2017 Dương lịch). Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, bà Th không trả tiền như cam kết nên phải trả cho bà D lãi suất do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự, cụ thể như sau:

- Tiền lãi suất chậm trả số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 27/01/2017 đến ngày 24/9/2021 với mức lãi suất 10%/năm: $10.000.000 \times 10\% \times (1701 \text{ ngày}/365) = 4.660.274$ đồng.

- Tiền lãi suất chậm trả số tiền 38.700.000 từ ngày 14/11/2017 đến ngày 24/9/2021 với mức lãi suất 10%/năm: $38.700.000 \times 10\% \times (1410 \text{ ngày}/365) = 14.949.863$ đồng.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D. Buộc bà Đồng Thị Th phải trả cho bà D tổng số tiền là 68.310.137 đồng, trong đó gồm: 10.000.000 đồng và 38.700.000 đồng tiền gốc; 4.660.274 đồng và 14.949.863 đồng tiền lãi suất do chậm trả tiền. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị D được chấp nhận nên bà Đồng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.416.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147; Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 117; Điều 149; khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị D. Buộc bà Đồng Thị Th phải trả cho bà Đinh Thị D số tiền 68.310.137 đồng (*Sáu mươi tám triệu ba trăm mười nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*); trong đó gồm: 10.000.000 đồng và 38.700.000 đồng tiền gốc; 4.660.274 đồng và 14.949.863 đồng tiền lãi suất do chậm trả tiền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đồng Thị Th phải nộp 3.416.000 đồng (*ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung